

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

BÀN VỀ MỘT KHÍA CẠNH TÂM LINH TRONG CA DAO NGƯỜI VIỆT

PHAN THỊ PHƯỢNG

(ThS, Trường THCS Vinh Tân, Tp Vinh, Nghệ An)

1. Vấn đề tâm linh từ xa xưa đã được người Việt rất coi trọng. Hầu như trong tâm thức của mỗi một người đều tồn tại một cái gì đó mà ta khó có thể gọi thành tên, nó giống như một cội mông lung. Một số nhà nghiên cứu nghiêng về quan niệm cho tâm linh là cái thiêng liêng cao cả của đời sống thường nhật cũng như trong tín ngưỡng tôn giáo. Có thể nói tâm linh là cái vô hình, trừu tượng, có phần thần bí. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được phép sử dụng định nghĩa ngắn gọn và có tầm khái quát cao của tác giả Nguyễn Đăng Duy: *“Tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo”* [3, 11].

2. Từ cách hiểu trên về tâm linh và qua khảo sát ca dao, chúng ta nhận thấy ca dao người Việt từ xa xưa đã mở cánh cửa vào thế giới tâm linh bí ẩn của con người. Thế giới tâm linh trong ca dao được thể hiện rất đa dạng và phong phú, nó bao gồm cả cái thiêng liêng cao cả trong đời thường và cả miền tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng. Ở bài viết này, chúng tôi xin bàn về khía cạnh niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng (một nhu cầu tinh thần của con người hướng tới cái thiêng liêng cao cả và màu nhiệm) của người Việt thể hiện trong ca dao.

Người Việt ta vốn mang đặc điểm trọng tĩn, hướng nội và xuất phát từ nền văn minh nông nghiệp lúa nước nên tín ngưỡng của người Việt là tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người.

Theo quan niệm truyền thống người Việt cho rằng con người bao gồm phần thể xác và phần linh hồn. Thể xác là cái cụ thể, linh hồn là phần trừu tượng. Sau này với sự phát triển của nhận thức, khái niệm linh hồn lại được tách đôi thành “hồn” và “vía”. Hồn là cái linh, phụ vào phần khí của người, là phần tinh anh, khi người ta chết thì hồn bay lên. Còn vía là cái linh, phụ vào phần hình của người, là cái phần trọng trọc, khi người ta chết thì tiêu xuống đất. Người Việt cho rằng đàn ông có ba hồn bảy vía, đàn bà thì có ba hồn chín vía. Hồn và vía dùng thể xác làm nơi trú ngụ. Nếu phần thân của hồn mà rời khỏi thể xác thì người đó chết. Khi người chết hồn nhẹ sẽ bay sang kiếp khác, còn vía nặng hơn sẽ bay là là mặt đất rồi tiêu tan. Chính từ quan niệm trên mà trong dân gian ta xưa có rất nhiều câu ca dao nói về vấn đề người chết đi nhưng hồn còn vương vấn, lảng vảng ở trần gian:

Anh nguyên với em có mặt nhặt, mặt nguyệt

Có đường thủy kiệt, có núi sơn lâm

Dấu anh lỗi đạo tình thâm

Hồn về chín suối, xác cầm dương gian

[4, A421 – tr 142]

Hay như câu ca dao sau:

Hồn rằng hồn thác ban ngày

Thương cha nhớ mẹ hồn rày thác đêm

Hồn rằng hồn thác ban đêm

Thèm cơm thèm cháo hồn đêm thác ngày.

{4, H283- tr 1230}

Ngoài quan niệm về hồn và vía thì đạo Phật còn chú trọng đến mối quan hệ của người thân và người quá vãng. Nếu lúc sống con cháu, người thân biết làm việc phúc đức, sống tu nhân tích đức và đối xử tốt với người quá cố thì vong hồn của người chết cũng được hưởng quả phúc ấy mà siêu thoát hoặc theo phù hộ độ trì cho con cháu làm ăn, sống khỏe mạnh, hạnh phúc.

Ca dao có câu:

Em dẫu có thác xuống suối vàng

Hồn em cũng bận bịu theo chàng sánh đôi.

{4, E37 – tr 1024}

Ở đây ta thấy rõ rằng nếu mối quan hệ giữa hai người thật khăng khít, gắn bó, đầm thắm sâu nặng thì khi chết đi hồn vẫn giữ nghĩa tình xưa, vẫn quyến luyến theo chàng để lo lắng, chăm chút cho chàng như bốn phận của người vợ, điều đó được thể hiện qua từ “bận bịu” của câu ca.

Ngược lại nếu những người bị chết “bất đắc kỳ tử”, chết dưới sông ngoài biển, chết bị tai nạn xe cộ, bị bức tử, bị hãm hiếp, hay lúc sống thường bị đối xử tệ bạc, thì thường vất vưởng, hay lang thang quanh nơi tử nạn để trêu ghẹo, chọc phá hay hãm hại người sống, bắt người khác thế mạng. Vì thế ca dao mới có câu:

Dẫu cho em có thác xuống suối vàng

Oan hồn em cũng theo chàng báo oan.

{4, D73- 159}

Cũng chính vì thế mà thân nhân của người bị nạn có tục tổ chức lễ vớt vong ngay nơi người bị nạn để chiêu hồn người

bị nạn và tiếp dẫn hồn này tới cửa chùa “ăn mày Kinh Phật” dạng siêu thoát. Còn công chúng ở những địa điểm xảy ra những vụ chết oan uổng lại có tục thực hiện các nghi thức giải trừ hoặc ngăn cản con cháu không được lui tới những nơi “có huông”, tức nơi có vong hồn luôn chờ bắt người khác thế mạng; hoặc lập miếu cô hồn, cũng có thể tổ chức cúng cô hồn ở những nơi thuận lợi như cây đa sân đình, chợ, ngã ba đường

Có thiêng lập miếu mà thờ

Chả còn lơ lửng nương nhờ bóng cây.

{4, 1368-618}

Như vậy ta thấy trong tâm linh, người Việt cho rằng khi chết hồn đi từ cõi dương gian đến cõi âm ti, cõi đó được tưởng tượng là có cuộc sống, cũng cần những nhu cầu cần thiết như người sống, vì vậy mới có cúng cơm, đốt vàng mã

Anh ơi, anh đợi tôi cùng

Tôi còn đốt mã cho chồng tôi đây.

{4, A449 – Tr 149}

Ở đây ta không bàn đến ý nghĩa câu ca dao nhưng trong nội dung của nó có thể hiện tín ngưỡng Việt Nam. Người mới chết, thân nhân hay đốt vàng mã để tiễn đưa.

Từ quan niệm trên mà người Việt ta có tục thờ cúng tổ tiên sâu đậm và có thể nói là rất sớm; nó gần như trở thành một tôn giáo, minh chứng là trong ca dao Việt đề cập rất nhiều vấn đề này:

Công danh hai chữ tờ mờ

Lấy gì khuya sớm phụng thờ tổ tiên

Khôn ngoan nhờ đức cha ông

Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ.

{4, C1811 –Tr718}

Nếu như người phương Tây coi trọng ngày sinh thì người Việt coi trọng ngày mất. Trong tâm thức của người Việt, ông bà, cha mẹ, những người thân yêu của họ dù có khuất bóng nhưng không “mất” mà

chỉ đi về nơi chín suối. Vì thế họ vẫn “sống” trong tình cảm tôn kính, yêu thương, nhớ nhung, gần gũi của người còn sống. Cho nên người Việt luôn coi trọng việc thờ cúng tổ tiên. Đây là bổn phận thiêng liêng của con cháu để tỏ lòng nhớ ơn cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

*Công cha ba năm sinh thành tạo hóa
Nghĩa mẹ chín tháng cực khổ cưu mang
Hai đứa mình lấy chi đền nghĩa báo ân
Lên non gánh đá xuống xây lăng phụng thờ.*

{4, C1800 – Tr711}

Việc lập bàn thờ cũng vậy. Bàn thờ tổ tiên bao giờ cũng đặt nơi trang trọng nhất và không gian thờ tự là không gian thiêng liêng nhất trong gia đình, là nơi lưu giữ những ẩn ức tình cảm giữa các thế hệ, chính vì thế việc giữ gìn bàn thờ luôn sạch sẽ, mát mẻ không chỉ thể hiện sự chăm sóc và tôn vinh của con cháu đối với ông bà tổ tiên, mà còn là sự chăm sóc đến cái tôi tâm linh ở mỗi con người. Điều này cũng được thể hiện rõ trong ca dao:

*Khen ai khéo tiện con cờ
Khéo xây bàn án, khéo thờ tổ tiên
Tổ tiên để lại em thờ
Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua.*

{4, K74 – 1277}

Câu ca thể hiện rõ sự khéo léo chu toàn, lo toan của người vợ trong gia đình để giúp chồng lo việc nước.

Việc cúng gia tiên bao giờ cũng quan trọng và thành kính. Con cháu có của ngon vật lạ thường dâng cúng tổ tiên trước rồi mới ăn. Đồng thời họ quan niệm thờ cha mẹ phải chu toàn, phải đặt trên cả việc người vợ thờ chồng:

*Chết ba năm sống lại một giờ
Để coi người nghĩa phụng thờ ra sao?
Thờ chồng đĩa muối, đĩa rau,
Thờ cha cúng mẹ mâm cao cỗ đầy.*

{4, C 672 –Tr 487}

Còn câu ca dao sau lại cho ta biết thêm một quan niệm khác trong việc thờ cúng tổ tiên của người Việt.

*Thắp hương vái ông với bà
Đôi ta kết nghĩa đến già an cư.*

{4, T330- Tr 2119}

Ta hiểu rằng ở đây đôi trai gái này đã thắp hương khấn vái với tâm niệm “cầu xin” ông bà phù hộ cho họ được sống với nhau hạnh phúc, bình yên, no đủ đến già. Như vậy, chúng ta cũng khó có thể rạch ròi nói rằng hành vi thờ cúng tổ tiên chỉ đơn thuần là hành vi nhớ ơn người đã khuất, bởi vì cùng với hành vi đó là việc người ta luôn luôn tâm niệm phải “đổi thoai”, “cầu xin” sự phù hộ độ trì của linh hồn người đã mất.

Thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng rất hệ trọng đối với người Việt Nam. Bởi việc thờ cúng tổ tiên có tác dụng rất tốt trong việc giáo dục lòng biết ơn, duy trì sợi dây cộng cảm giữa các thế hệ và củng cố nếp sinh hoạt cộng đồng trong gia đình, gia tộc. Trong cái không gian thiêng liêng và thời gian thiêng liêng ấy, từ sâu thẳm trong tâm hồn con người, quá khứ và hiện tại bỗng giao hòa, giao cảm vào nhau rất gần gũi, rất hiện hữu, không có cảm giác cách biệt. Chính sự rung cảm thiêng liêng đó đã góp phần tu chỉnh ý thức và hành vi của con người đang sống. Phải sống sao cho tốt hơn, hướng thiện hơn, tâm đức trong sáng hơn, có tinh thần nhân bản, nhân đạo và nhân văn hơn. Đó cũng là một động lực tinh thần để chúng ta sống phấn đấu vươn lên những giá trị cao đẹp của cái Chân- Thiện- Mĩ mà tổ tiên, cha ông ta hằng mong muốn.

3. Qua tìm hiểu về câu chuyện tâm linh trong ca dao, chúng ta nhận thấy ca dao cũng là một kho tàng lưu giữ những tín ngưỡng của người Việt từ xa xưa rất

phong phú, không những thế nó còn là pho sách khái quát được cả một vấn đề lớn của xã hội.

Trước những thách thức của thời kì “hậu hiện đại”, xã hội thông tin toàn cầu hóa, có lẽ chúng ta phải nhờ những câu ca dao mộc mạc, nhẹ nhàng mà đắm thắm sâu nặng tình người này để truyền tải những thông tin, những tín ngưỡng vốn có rất xa xưa của người Việt để nó không mai một đi. Và ta tin rằng con người Việt Nam ngày nay có đủ bản lĩnh và tri thức để lựa chọn cho mình những giá trị tâm linh đúng đắn và hữu ích đem lại hạnh phúc cho chính mình và cộng đồng. Điều đó càng chắc chắn hơn khi có những câu ca da diết thúc giục lòng người luôn sánh bước cùng chúng ta trong cuộc đời.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (1968), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Quyển Hạ, Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn.
2. Nguyễn Đăng Duy (2008), *Văn hoá tâm linh*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Hình (2007), *Tâm linh Việt Nam*, NXB Từ điển Bách khoa.
4. Nguyễn Xuân Kính (2001), *Kho tàng ca dao người Việt*, NXB Văn hoá thông tin - Trung tâm văn hoá Đông Tây, Hà Nội.
5. Dương Văn Lượng, *Một số vấn đề về văn hoá tâm linh ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản - <http://www.tapchicongsan.org.vn>.
6. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-12-2009)

(Lí thuyết dịch thuật....tiếp theo trang 18)

2.3 Lí thuyết hành vi dịch thuật của Holz-Mänttari

Justa Holz-Mänttari là một nhà dịch thuật Đức gốc Phần Lan và là giáo viên đào tạo dịch giả chuyên nghiệp. Là một nhà lí luận dịch thuật có nhiều chuyên khảo, nhưng rất tiếc là sách của bà ít được dịch sang tiếng Anh nên các lí thuyết của bà được ít người biết đến. Trong lĩnh vực nghiên cứu dịch thuật, Holz-Mänttari là một trong những đại biểu tiên phong. Năm 1981, Holz-Mänttari xuất bản cuốn sách “Lí thuyết hành vi dịch thuật và phương pháp nghiên cứu”, trong đó, bà hầu như không sử dụng từ “dịch thuật” mà thay bằng thuật ngữ “hành vi dịch thuật”. Hành vi dịch thuật được Holz-Mänttari giải thích như là “một hành vi phức tạp được thiết kế để thực hiện mục đích nào đó” [Nord, 1997:13], có mục đích là vượt qua những trở ngại của ngôn ngữ và văn hóa để truyền đạt thông tin. Nord đã từng bình luận rằng quan niệm của Holz-Mänttari: “đã làm cho bà đi chệch khái niệm “dịch thuật” theo ý nghĩa truyền thống và kì vọng của độc giả với “dịch thuật”. [Nord, 1997:12].

Bên cạnh việc nhấn mạnh vào hành vi của quá trình dịch thuật, Holz-Mänttari còn chú ý phân tích vai trò của người tham gia vào hành vi dịch thuật (người khởi xướng hành vi, người dịch, người sử dụng bản dịch, người nhận thông tin) và điều kiện tình huống (thời gian, địa điểm, môi giới). Bà rất chú ý đến địa vị của người dịch trong xã hội phân công theo lao động. Holz-Mänttari còn dẫn cả lí thuyết không chế sinh vật vào tác phẩm gần đây của bà nhằm giải thích điều kiện thích nghi trong sự hợp tác giữa cá nhân có tính cách là thành phần của xã hội [Nord, 1997:13].

(còn nữa)

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-01-2010)